

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Tuyết
2. Ông Huỳnh Văn Rô

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Văn K, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Bà Phạm Dương K, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Cao Văn K đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Dương K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện DH (nay là UBND phường B, thị xã D). Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống tại ấp X, xã L (nay là khóm A, phường B). Ông làm việc tại Trạm nước xã L. Trong thời gian này vợ chồng ông bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về công việc, cách sống, cách sinh hoạt. Ông có ý định muốn về sống tại xã D nhưng vợ ông không đồng ý. Vì vậy, sổ hộ khẩu của ông chỉ có tên ông và con của ông. Năm 2014, ông chuyển công tác về làm việc Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường tỉnh

Trà Vinh và sống ly thân với vợ ông cho đến nay. Cách nay khoảng 2-3 năm, khi ông nghỉ việc và về nhà làm kinh tế gia đình, có thêm thu nhập ông có ý định quay về để hàn gắn tình cảm với vợ ông nhưng mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng hơn. Ông K nhận thấy vợ chồng ông đã sống ly thân quá lâu nên ông không còn tình cảm với vợ ông. Vì vậy, ông Cao Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Phạm Dương K.

- Về con chung: Ông Cao Văn K khai ông và bà K có 01 đứa con gái tên là Cao Như Nc, sinh ngày 18/5/2007. Cháu N hiện đang sống với ông K. Vì vậy, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền nuôi con, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau khi ông ly hôn với bà K, cháu N có nguyện vọng về sống chung với bà K thì ông cũng đồng ý cho cháu N về sống với bà K.

- Về tài sản chung: Ông Cao Văn K không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Cao Văn K khai ông và bà Phạm Dương K không có nợ chung.

** Theo bản tự khai ngày 23/4/2019 và Biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 6 năm 2019, bị đơn bà Phạm Dương K đã trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: bà và ông Cao Văn K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện DH (nay là UBND phường B, thị xã D). Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại ấp X, xã L (nay là khóm A, phường B). Bà làm nghề buôn bán tạp hóa. Còn ông K làm việc ở Trạm nước xã L. Sau đó, ông K chuyển công tác về Trà Vinh. Cách nay khoảng 02 năm ông K đã nghỉ việc và về nhà cha mẹ ông K nuôi tôm ở xã D, thị xã D. Theo bà K thì giữa bà và ông K không có mâu thuẫn gì. Việc ông K ly hôn bà là do ông K quen với người khác. Vì vậy, bà không đồng ý ly hôn ông K, còn Tòa án giải quyết thế nào thì do Tòa án quyết định.

- Về con chung: Bà và ông Cao Văn K có 01 đứa con gái tên là Cao Như N, sinh ngày 18/5/2007. Trước đây, cháu N sống chung với bà nhưng trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn giữa vợ chồng bà thì cháu N về sống chung nhà cha mẹ ông K tại xã D. Bà yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Cao Văn K không có nợ chung.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập bà Phạm Dương K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai, chứng cứ và hòa giải hợp lệ hai lần nhưng bà K đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà K và yêu cầu được quyền nuôi cháu N. Bị đơn bà Phạm Dương K vắng mặt tại các lần Tòa án mở phiên tòa. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Phạm Dương K của ông Cao Văn K.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con là Cao Như N, sinh ngày 18/5/2007 cho ông Cao Văn K nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Cao Văn K không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Cao Văn K và Phạm Dương K không yêu cầu và khai không có nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Cao Văn K khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Phạm Dương K và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa ông K và bà K. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Dương K có hộ khẩu thường trú tại khóm A, phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bà K vẫn còn sinh sống tại khóm A, phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bà Phạm Dương K là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Bà K cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Dương K.

[4] Về quan hệ hôn nhân: ông Cao Văn K và bà Phạm Dương K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2006 tại UBND xã L (nay là UBND phường B), thị xã D theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của ông K và bà K là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo ông K trong thời gian chung sống, giữa ông K và bà K có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, suy nghĩ và vấn đề kinh tế. Từ đó vợ chồng sống ly thân nhiều năm. Mặc dù ông cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Còn theo bà K giữa bà

và ông K không có mâu thuẫn gì. Kết quả xác minh của Tòa án về nguyên nhân mâu thuẫn của ông K và bà K thể hiện giữa ông K và bà K có xảy ra mâu thuẫn là có thật do hai bên bất đồng quan điểm sống và vấn đề kinh tế gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để ông K, bà K đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng ông K vẫn cương quyết ly hôn bà K. Còn bà K mặc dù không muốn ly hôn nhưng lại vắng mặt tại các phiên họp hòa giải mà không có lý do chính đáng. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà K đều vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây đắp gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, ông K một mực cương quyết yêu cầu ly hôn bà K vì cho rằng không còn tình cảm với bà K và không muốn tiếp tục chung sống với bà K. Tại phiên tòa, ông K vẫn cương quyết muốn ly hôn bà K. Khi Tòa án tiến hành lấy lời khai bà K vào ngày 19/6/2019, Tòa án có hỏi về khả năng đoàn tụ giữa bà K và ông K thì bà K trả lời giữa bà và ông K không thể tiếp tục chung sống. Điều này cho thấy khả năng để ông K và bà K đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Ông K và bà K hiện tại đang sống ly thân. Trong thời gian này, ông K và bà K cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Phạm Dương K của ông Cao Văn K như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Ông Cao Văn K và bà Phạm Dương K có con chung là cháu Cao Như N, sinh ngày 18/5/2007. Hiện tại cháu N đang sống chung với ông K tại nhà cha mẹ của ông K. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cả ông K và bà K đều yêu cầu được quyền nuôi cháu N. Trong khi đó, Tòa án nhiều lần đến gặp cháu N để hỏi về nguyện vọng của cháu muốn sống với ông K hay bà K thì cháu N không chịu tiếp xúc và không cho biết nguyện vọng của cháu. Nguyên nhân vì cháu N cảm thấy khó xử khi phải trả lời sống với cha hay sống với mẹ. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc con chưa thành niên không trình bày nguyện vọng. Đối với việc tranh chấp nuôi cháu Cao Như N giữa ông K và bà K thì Hội đồng xét xử thấy rằng tình yêu thương của ông K và bà K dành cho cháu N là như nhau. Do đó, việc giao cháu N cho ông K hay bà K nuôi phải trên cơ sở bên nào đảm bảo quyền lợi tốt nhất dành cho cháu N. Xét điều kiện của ông K và bà K thì thấy rằng hiện tại cháu N đang chung sống với ông K tại nhà cha mẹ của ông K. Mỗi lần cháu N đi học đều do ông K đưa rước. Thu nhập hàng tháng của ông K đảm bảo việc ăn uống, học hành và sinh hoạt của cháu N. Trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn, ông K vẫn nuôi dạy cháu N tốt. Ông K cũng đã có ý kiến khi nào cháu N muốn về sống với bà K thì ông sẽ đồng ý cho cháu N sống với bà K. Cháu N tuổi còn nhỏ, nếu Tòa án giao cháu N cho bà K nuôi dưỡng mà hiện tại cháu N chưa muốn về sống với bà K thì rất dễ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu N. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu Cao Như N cho ông Cao Văn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu N hơn. Sau khi ly hôn, nếu cháu N chưa đủ 18 tuổi và có nguyện vọng sống với

bà K hoặc ông K không đảm bảo điều kiện nuôi cháu N theo quy định pháp luật thì bà K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi cháu N.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Cao Văn K là người được giao nuôi cháu Cao Như N nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cháu N nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, ông Cao Văn K có quyền yêu cầu bà Phạm Dương K cấp dưỡng nuôi cháu Cao Như N theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Ông Cao Văn K và bà Phạm Dương K không có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Ông Cao Văn K và bà Phạm Dương K khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Ông Cao Văn K không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, ông K là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Cao Văn K. Ông Cao Văn K được ly hôn bà Phạm Dương K.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Như N, sinh ngày 18/5/2007 cho ông Cao Văn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được quyền cản trở ông Cao Văn K và bà Phạm Dương K trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con.

Vì lợi ích của cháu Cao Như N, khi cần thiết và có yêu cầu của bà Phạm Dương K hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu bà Phạm Dương K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì ông Cao Văn K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của bà Phạm Dương K theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Cao Văn K là người được giao nuôi cháu Cao Như N nhưng ông K không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Cao Văn K có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là bà Phạm Dương K cấp dưỡng nuôi cháu Cao Như N theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Ông Cao Văn K và bà Phạm Dương K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu ông Cao Văn K và bà Phạm Dương K có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì ông K hoặc bà K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Ông Cao Văn K và bà Phạm Dương K khai không có nợ ai nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc ông Cao Văn K phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số:0002073 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, ông Cao Văn K đã nộp xong án phí. Bà Phạm Dương K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn ông Cao Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Phạm Dương K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- UBND phường B;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (10 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh